

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19/02/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Nhưng; Bà Trần Thị Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thạch – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Điệp, Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: - Chị Lê Thị N; sinh ngày: 19/05/1984

Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: - Anh Lương Đình N1; Sinh ngày: 16/06/1984

Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt, không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 05 năm 2024, bản tự khai và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày: Chị và anh Lương Đình N1 có đăng ký kết hôn và làm đám cưới theo phong tục địa phương với nhau vào ngày 24/10/2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn

gay gắt, trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, một phần nữa do anh N1 ghen tuông mù quáng và vô cớ, uống rượu về say xỉn đánh đập tôi, nhiều lần tôi khuyên nhủ và tha thứ nhưng anh N1 chứng nào tật nấy, năm 2023 tôi đã nộp đơn lên Tòa án yêu cầu ly hôn và anh N1 xin hứa không tái phạm và khắc phục nhưng không thành, dẫn đến cuộc sống hôn nhân ngột ngạt khó khắc phục được, vợ chồng càng ngày mâu thuẫn càng nặng nề, không ai quan tâm đến ai nữa, nay xét thấy hạnh phúc hôn nhân không thể đạt được nên xin được ly hôn với anh Lương Đình N1

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Lê Thị N và anh Lương Đình N1 có 02 con chung là cháu: Lương Đình T – Sinh ngày 05 tháng 02 năm 2013; Lương Thị Hồng N2 – Sinh ngày 08 tháng 12 năm 2016

Hiện nay con chung Lương Đình T và Lương Thị Hồng N2 đang ở với chị N cho nên chị N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, chị N đang buôn bán thu nhập bình quân mỗi tháng 7.000.000đ. Chị N yêu cầu anh Lương Đình N1 cấp dưỡng tiền nuôi cháu T và cháu N2 mỗi tháng 1.000.000 cho mỗi cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Tòa không xem xét.

Để chứng minh cho lời trình bày của mình, chị Lê Thị N đã giao nộp các tài liệu chứng cứ: Giấy đăng ký kết hôn; bản sao chứng minh nhân dân của chị N, anh N1; bản sao giấy khai sinh con chung Lương Đình T, Lương Thị Hồng N2; xác nhận thông tin nơi cư trú; đơn nguyện vọng 02 con chung; bản tự khai; đơn đề nghị không tiến hành hòa giải; đơn xin xét xử vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đã có mặt tại nơi cư trú của anh Lương Đình N1 để tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định xét xử vụ án, cũng như các văn bản tố tụng khác cho anh N1 theo quy định pháp luật, tuy nhiên, anh N1 không có mặt theo yêu cầu của Tòa án và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến, nguyện vọng của anh N1.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đã xác minh tại chính quyền địa phương, nhà anh N1 và có kết quả: Chị Lê Thị N và anh Lương Đình N1 kết hôn tự nguyện và có 02 con chung như chị N trình bày. Hiện tại các con do chị N chăm sóc; giữa chị N và anh nam có mâu thuẫn gì không thì gia đình và chính quyền địa phương có nắm bắt được thông tin là anh N1 thường xuyên ghen tuông chị N vô cớ, sau đó làm thủ tục ly hôn. Các con chung của N và anh N1 khi được hỏi về nguyện vọng thì các cháu: Lương Đình T – Sinh ngày 05 tháng 02 năm 2013; Lương Thị Hồng N2 – Sinh ngày 08 tháng 12 năm 2016 đều có đơn nguyện vọng ở với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát có ý kiến quá trình thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, chuẩn bị xét xử và tại

phiên tòa Thẩm phán, các vị Hội thẩm nhân dân, Thư ký được phân công tiến hành tổ tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tổ tụng dân sự.

Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6, điểm a, khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo,

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Đề nghị HĐXX:

- Về tình cảm: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị N. Chị Lê Thị N được ly hôn anh Lương Đình N1.

- Về con chung: Đề nghị giao cháu Lương Đình T – Sinh ngày 05 tháng 02 năm 2013; Lương Thị Hồng N2 – Sinh ngày 08 tháng 12 năm 2016 cho chị Lê Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con của Tòa án.

Đề nghị HĐXX tuyên anh Lương Đình N1 có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX tuyên đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Bị đơn Lương Đình N1 tại thời điểm Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý vụ án hôn nhân gia đình, về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, có địa chỉ cư trú tại: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh có thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Lương Đình N1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, anh N1 không có mặt tại phiên tòa và không có lý do chính đáng; nguyên đơn chị Lê Thị N có đơn xin vắng mặt, trình bày rõ nội dung yêu cầu. HĐXX Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về tình cảm: Chị Lê Thị N và anh Lương Đình N1 kết hôn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An ngày 24/10/2010. Theo trình bày của chị N, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì dần phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh N1 bài bạc và thường xuyên ghen tuông vô cớ dẫn đến không còn tình cảm. Thực tế xác minh thì hiện nay chị N và anh N1 đang còn sống chung với nhau một nhà nhưng đã ly thân từ tháng 4 năm 2024, không quan tâm

nhau. Toà án đã nhiều lần thông báo cho anh N1 đến làm việc, trình bày ý kiến, hoà giải nhưng anh N1 không chấp hành, thái độ của anh N1 là bỏ mặc, không có nguyện vọng muốn níu kéo mối quan hệ hôn nhân. HĐXX nhận thấy, yêu cầu ly hôn của chị Nghĩa L có căn cứ, hôn nhân giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đủ căn cứ để xử cho chị N ly hôn với anh N1 theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3]. Về con: Con chung của chị N và anh N1 là cháu: Lương Đình T – Sinh ngày 05 tháng 02 năm 2013; Lương Thị Hồng N2 – Sinh ngày 08 tháng 12 năm 2016. Theo trình bày của chị N cũng như xác minh tại địa phương, chị N và anh N1 cùng hai cháu đang sống chung một nhà, nhưng anh N1 thường xuyên đi làm, chị N một tay chăm con, hiện nay các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó để đảm bảo quyền lợi của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung cho chị Lê Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Chị Lê Thị N yêu cầu anh N1 cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung Đình T và Hồng N2 cùng chị N mỗi tháng 2.000.000đ, để đảm bảo quyền lợi của con chung, căn cứ vào các điều 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự, HĐXX nhận thấy mức đề nghị cấp dưỡng 2.000.000 đồng cho cả 02 con chung, tức là tiền cấp dưỡng cho 1 con chung là 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung: Chị Lê Thị N và anh Lương Đình N1 không yêu cầu Tòa án phân chia, do đó HĐXX không xem xét trong vụ án này.

[5]. Về án phí:

Chị Lê Thị Nghĩa L nguyên đơn yêu cầu ly hôn, cho nên phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, anh Lương Đình N1 phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, Điểm a Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

[6]. Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, chị Lê Thị N và anh Lương Đình N1 vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6, điểm a, khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo,

- Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Điều 357, 468 Bộ luật dân sự

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị N. Chị Lê Thị N được ly hôn anh Lương Đình N1.

- Giao cháu Lương Đình T – Sinh ngày 05 tháng 02 năm 2013; Lương Thị Hồng N2 – Sinh ngày 08 tháng 12 năm 2016 cho chị Lê Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con của Tòa án. Anh Lương Đình N1 có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

Trong thời gian chị N trực tiếp nuôi con chung, anh Lương Đình N1 phải cấp dưỡng cho 02 con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, tức là tiền cấp dưỡng cho 1 con chung là 1.000.000 đồng/tháng. Trường hợp anh N1 chậm thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N thì anh N1 phải chịu lãi đối với phần nghĩa vụ chậm thực hiện theo lãi suất 10%/năm.

- Về án phí:

Chị Lê Thị N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002522 ngày 15 tháng 10 năm 2024.

Buộc anh Lương Đình N1 Phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị N và anh Lương Đình N1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKS ND tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKS ND huyện Kỳ Anh;
- Chi cục THADS huyện Kỳ Anh;
- UBND xã Ngọc Sơn, huyện Thanh

Chương, tỉnh Nghệ An.;

- Các đương sự (Chị Nghĩa, anh Nam);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Hoàng